

TCVN

TIÊU CHUẨN QUỐC GIA

**TCVN 5692:2014
ISO 9424:2003**

Xuất bản lần 2

VÁN GỖ NHÂN TẠO – XÁC ĐỊNH KÍCH THƯỚC MẪU THỬ

Wood-based panels – Determination of dimensions of test pieces

HÀ NỘI – 2014

Mục lục

	Trang
1 Phạm vi áp dụng	5
2 Tài liệu viện dẫn.....	5
3 Nguyên tắc	5
4 Thiết bị, dụng cụ	5
5 Mẫu thử	6
6 Cách tiến hành.....	6
7 Báo cáo thử nghiệm	7

Lời nói đầu

TCVN 5692:2014 thay thế TCVN 5692:1992.

TCVN 5692:2014 hoàn toàn tương đương với ISO 9424:2003.

TCVN 5692:2014 do Ban kỹ thuật tiêu chuẩn quốc gia TCVN/TC165
Gỗ kết cấu biên soạn, Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng
đề nghị, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố.

Ván gỗ nhân tạo – Xác định kích thước mẫu thử

Wood-based panels – Determination of dimensions of pieces

1 Phạm vi áp dụng

Tiêu chuẩn này quy định phương pháp đo chiều dày, chiều dài và chiều rộng mẫu ván gỗ nhân tạo.

2 Tài liệu viện dẫn

Các tài liệu viện dẫn sau đây rất cần thiết cho việc áp dụng tiêu chuẩn này. Đối với các tài liệu viện dẫn ghi năm công bố thì áp dụng bản được nêu. Đối với các tài liệu viện dẫn không ghi năm công bố thì áp dụng phiên bản mới nhất, bao gồm cả các sửa đổi, bổ sung (nếu có).

ISO 16999 *Wood-based panels – Sampling and cutting of test pieces (Ván gỗ nhân tạo – Lấy mẫu và cắt mẫu thử)*

3 Nguyên tắc

Chiều dày, chiều dài và chiều rộng mẫu thử được xác định bằng phép đo dài.

4 Thiết bị, dụng cụ

4.1 Panme hoặc dụng cụ đo tương tự, dùng để đo chiều dày, các mặt đo tròn phẳng và song song với nhau, có đường kính từ 6,0 mm đến 20,0 mm và áp lực vận hành từ 0,02 MPa đến 0,05 MPa. Dụng cụ đo có độ chính xác đến 0,01 mm.

Lựa chọn đường kính mặt đo phải phụ thuộc vào loại ván. Theo nguyên tắc, các ván có khối lượng riêng nhỏ và/hoặc bề mặt không nhẵn được đo bằng cách sử dụng dụng cụ đo có đường kính mặt đo lớn hơn.

4.2 Thước cặp hoặc dụng cụ khác bất kỳ

Để đo chiều dài và chiều rộng, với kích thước chiều rộng bề mặt đo ít nhất bằng 5 mm, dụng cụ đo có độ chính xác đến 0,1 mm.

5 Mẫu thử

5.1 Lấy mẫu và cắt mẫu

Lấy mẫu và cắt mẫu thử phải tiến hành theo ISO 16999.

5.2 Kích thước

Kích thước của mẫu thử phải theo quy định trong phương pháp thử liên quan.

5.3 Ổn định

Mẫu thử phải được ổn định đến khối lượng không đổi trong môi trường không khí có độ ẩm tương đối $(65 \pm 5) \%$ và nhiệt độ $(20 \pm 2) ^\circ\text{C}$. Khối lượng được coi là không đổi khi chênh lệch kết quả giữa hai lần cân liên tiếp cách nhau 24 h không vượt quá 0,1 % khối lượng mẫu thử.

6 Cách tiến hành

6.1 Các điểm đo

Số lượng và vị trí của các điểm đo phải phù hợp với phương pháp thử của tiêu chuẩn liên quan.

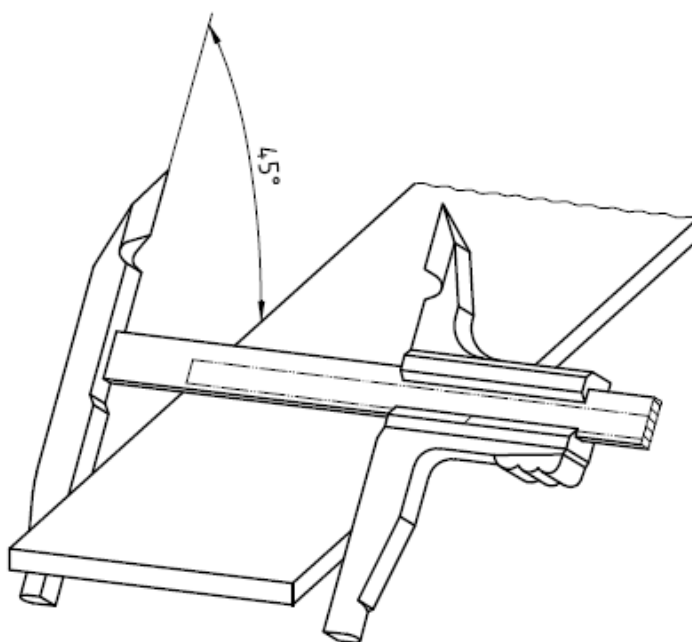
6.2 Đo chiều dày

Áp từ từ bề mặt của dụng cụ đo (4.1) lên mẫu thử. Đo chiều dày chính xác đến 0,01 mm.

6.3 Đo chiều dài và chiều rộng

Khi đo chiều dài và chiều rộng, áp ngàm của thước cặp (4.2) một cách từ từ và không quá mạnh với một góc khoảng 45° so với mặt phẳng của mẫu thử (xem Hình 1).

Đo chiều dài và chiều rộng chính xác đến 0,1 mm.



Hình 1 – Độ nghiêng của thước cặp so với mặt phẳng mẫu thử

7 Báo cáo thử nghiệm

Báo cáo thử nghiệm phải bao gồm các thông tin sau:

- tên và địa chỉ phòng thử nghiệm;
- báo cáo lấy mẫu theo ISO 16999;
- ngày báo cáo;
- viện dẫn tiêu chuẩn này;
- loại và chiều dày tấm;
- yêu cầu kỹ thuật sản phẩm liên quan;
- xử lý bề mặt, nếu có;
- thiết bị cụ thể được sử dụng, trong trường hợp có khả năng khác được cho phép trong tiêu chuẩn này;
- kết quả thử nghiệm, được biểu thị chính xác đến 0,01 mm đối với phép đo chiều dày và 0,1 mm đối với phép đo chiều dài và chiều rộng;
- tất cả các sai khác so với tiêu chuẩn này.